

## **KHẢO SÁT THỰC TRẠNG ÁP DỤNG AN TOÀN SINH HỌC Ở CÁC TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ TẠI HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI**

*Vũ Thị Thu Trà, Phạm Hồng Ngân,  
Lại Thị Lan Hương, Cam Thị Thu Hà, Vũ Thị Huyền Trang  
Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

### **TÓM TẮT**

Nghiên cứu này được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2019 với mục đích tìm hiểu thực trạng áp dụng an toàn sinh học tại các trang trại chăn nuôi gà ở huyện Đông Anh, Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy tại 30/30 trại nuôi gà được khảo sát, các biện pháp an toàn sinh học trong quá trình chăn nuôi chưa được thực hiện đúng và đầy đủ. Nhiều trại vẫn chưa áp dụng các biện pháp như khử trùng tiêu độc ở cổng vào trại (83,3%), không có khu vực riêng để cách ly gà ốm (46,7%), không áp dụng khử trùng tiêu độc chất độn chuồng (100%), không có biện pháp xử lý phân và chất độn chuồng (100%), phân và chất độn chuồng được bán cho người thu mua làm phân bón cho cây trồng, ngoài ra còn có dấu hiệu của chuột và côn trùng trong trại (100%). Tại nhiều trại, công nhân vẫn chưa có quần áo bảo hộ khi làm việc (43,3%). Như vậy, cần có khuyến cáo tới người chăn nuôi về việc áp dụng an toàn sinh học đúng và đầy đủ để góp phần phòng chống dịch bệnh tại trang trại.

*Từ khóa:* An toàn sinh học, khảo sát, trang trại gà.

### **Current situation of applying biosecurity at chicken farms in Dong Anh district, Ha Noi City**

*Vu Thi Thu Tra, Pham Hong Ngan,  
Lai Thi Lan Huong, Cam Thi Thu Ha, Vu Thi Huyen Trang*

### **SUMMARY**

This study was conducted from July to October, 2019 to determine the current situation of applying biosecurity measures in the chicken farms in Dong Anh district, Ha Noi City. The studied results revealed that the biosecurity measures were applied in most of the farms, however the application was not adequate and proper. Among the surveyed farms, 83.3% of the farms did not apply disinfection at the entry gates, 46.7% of the farms did not have the isolated areas for the sick birds, 100% of the farms used untreated litter, 100% of the farms had no treatment measures for manure and litter after use, 100% of the farms presented rats and insects inside the farms. In addition, workers in 43.3% of the farms did not wear protective clothes during the working time. Therefore, recommendations should be given to farmers on applying biosecurity properly and adequately in the farms so as to contribute the prevention of diseases in the farms.

*Keywords:* Biosecurity, survey, chicken farms.

## **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Gia cầm là loài vật nuôi cung cấp sản phẩm thịt làm thực phẩm phổ biến nhất, chiếm khoảng 30% sản phẩm thịt trên toàn thế giới, đặc biệt là thịt gà. Bởi vậy hiện nay, chăn nuôi gà đóng vai trò quan trọng trong ngành chăn nuôi ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới. Theo số liệu thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hiệp quốc (FAO, 2019), tính đến năm 2017, tổng số gà trên thế

giới đạt hơn 22,8 tỷ con; trong đó tổng số gà ở Việt Nam đạt hơn 295 triệu con. Tuy tình hình chăn nuôi gà tại Việt Nam và trên thế giới khá ổn định, nhưng dịch bệnh trên đàn gà vẫn xảy ra đặc biệt là cúm gia cầm, Newcastle, Gumboro hay Salmonellosis, gây ra thiệt hại không nhỏ cho người chăn nuôi.

Để ngăn ngừa dịch bệnh cho gia cầm, việc áp dụng an toàn sinh học tại các trang trại đã được khuyến cáo rộng rãi ở nước ta và trên thế giới (Bộ

NN&PTNT, 2009; FAO, 2007; USDA, 2014). Chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học đòi hỏi việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa gia cầm và mầm bệnh, đảm bảo cho đàn gia cầm được khỏe mạnh, không bị dịch bệnh (Bộ NN&PTNT, 2009). Huyện Đông Anh, Hà Nội với tổng đàn gia cầm hơn 2,2 triệu con, là nguồn cung cấp sản phẩm thịt, trứng và con giống cho thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận. Để có nguồn thực phẩm đảm bảo cả về số lượng và chất lượng thì việc áp dụng an toàn sinh học trong chăn nuôi là điều kiện bắt buộc. Tuy nhiên, hiện nay do sự giám sát chưa chặt chẽ của các cơ quan quản lý và việc đầu tư cho trang trại chưa đúng mức nên mức độ áp dụng các tiêu chuẩn an toàn sinh học rất khác nhau giữa các trang trại lớn và nhỏ. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm thu thập thông tin về thực tế áp dụng an toàn sinh học ở các trang trại chăn nuôi gà tại huyện Đông Anh, Hà Nội và trên cơ sở đó đưa ra khuyến cáo nhằm thực hiện tốt các tiêu chí an toàn sinh học ở các trang trại chăn nuôi gà.

## II. NỘI DUNG, NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Nội dung nghiên cứu

Tình hình chăn nuôi và áp dụng các biện pháp an toàn sinh học và quản lý tại các trang trại gà ở huyện Đông Anh, Hà Nội.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2019. Tình hình chăn nuôi cũng như

việc áp dụng an toàn sinh học và quản lý trại được thu thập thông qua sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp chủ trại hay công nhân làm việc tại trại.

Bộ câu hỏi bao gồm:

- Thông tin chung về tình hình chăn nuôi: thời gian nuôi, quy mô, giống gà.

- Thông tin về áp dụng an toàn sinh học: vị trí trang trại, tường bao xung quanh trại, kiểu chuồng nuôi, vệ sinh khử trùng chuồng trại, thực hiện cách ly gà ốm, các biện pháp xử lý phân, chất độn chuồng và xử lý xác gà chết, thức ăn nước uống cho gà, điều kiện làm việc của công nhân.

### 2.3. Xử lý số liệu

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS.

## III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Thông tin chung về tình hình chăn nuôi

Tổng số 30 trang trại gà thịt và gà đẻ ở huyện Đông Anh đã được khảo sát, trong đó số trang trại đã chăn nuôi được 5 đến 10 năm chiếm đa số (56,7%), các trại nuôi lâu năm (hơn 10 năm) chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (3,3%) (bảng 1). Số trang trại mới mở trong thời gian 5 năm trở lại đây chiếm 40%. Về quy mô chăn nuôi, phần lớn các trại chăn nuôi gà được khảo sát có dưới 5.000 con (66,7%), 33,3% trang trại nuôi  $\geq 5.000$  con. Kết quả khảo sát cho thấy giống gà Ai Cập đang được chăn nuôi nhiều (chiếm 30%). Gà Ai Cập là giống gà siêu trứng nên giống gà này là một lựa chọn hợp lý cho các hộ chăn nuôi gà đẻ. Ngoài ra, các trang trại còn chăn nuôi các giống khác như gà Mía (23,3%), gà Ác (13,3%) và các giống gà khác (33,4%).

**Bảng 1. Một số thông tin về tình hình chăn nuôi tại các trang trại được khảo sát**

Tình hình chăn nuôi		Tỷ lệ (%)
Thời gian chăn nuôi	< 5 năm	40
	5 - 10 năm	56,7
	> 10 năm	3,3
Quy mô chăn nuôi	< 5000 con	66,7
	$\geq 5.000$ con	33,3
Giống gà	gà Ai Cập	30
	gà Mía	23,3
	gà Ác	13,3
	giống khác	33,4

Phần lớn các trang trại được khảo sát trên địa bàn huyện Đông Anh nuôi gà trên nền có chất độn chuồng (chiếm 83,4%). Chất độn chuồng được sử dụng phổ biến tại các trang trại là vỏ trấu. Ngoài ra, hình thức thả vườn đối với các trại có diện tích vườn rộng vẫn chiếm 10%, các trại nuôi thả vườn đều là các trại gà thịt. Bên cạnh đó có 1 trại gà đẻ nuôi theo hình thức nuôi lồng và 1 trại nuôi trên nền có chất độn chuồng kết hợp với thả vườn. Thức ăn cho gà tại tất cả các trại khảo sát đều là thức ăn công nghiệp.

### 3.2. Áp dụng an toàn sinh học tại các trang trại

Tình hình áp dụng an toàn sinh học tại các

trang trại gà khảo sát được trình bày ở bảng 2. Một trong những yêu cầu để đảm bảo an toàn sinh học cho trang trại là vị trí xây dựng trại. Theo khuyến cáo của Bộ NN&PTNT, nên xây dựng trại ở nơi xa khu dân cư, bệnh viện, trường học, chợ, đường giao thông từ 500m trở lên (Bộ NN&PTNT, 2009). Khảo sát cho thấy hầu hết các trại đều đảm bảo về vị trí với 96,7% trại cách xa khu dân cư tối thiểu 500m. Để ngăn sự xâm nhập vào khu trại của người lạ hay động vật (như chó, mèo), cần phải có tường rào xung quanh trại. Trong số các trại được khảo sát, có 73,4% trại có tường gạch bao quanh, 23,3% trại sử dụng lưới sắt B40 và 3,3% trại dùng các tấm tôn để bao quanh trại.

**Bảng 2. Các biện pháp an toàn sinh học tại trang trại (n = 30)**

Biện pháp áp dụng		Số trang trại	Tỷ lệ (%)
Vị trí trại	Cách xa khu dân cư (> 500m)	29	96,7
Tường rào bao xung quanh trại	Tường gạch	22	73,4
	Lưới sắt B40	7	23,3
	Tôn	1	3,3
Kiểu chuồng nuôi	Kín	5	16,7
	Hở	25	83,3
Có sử dụng hóa chất khử trùng trại		24	80
Có áp dụng biện pháp khử trùng ở cổng vào trại		5	16,7
Có vệ sinh trứng (n = 15)		3	20,0
Có áp dụng cùn vào cùn ra		25	83,3
Có khu vực, chuồng nuôi riêng để cách ly gà ốm		16	53,3
Biện pháp xử lý xác gà chết	Chôn	28	93,3
	Vứt ra bãi rác	2	6,7
Có biện pháp xử lý phân và chất độn chuồng		0	0,0
Có dấu hiệu của chuột và côn trùng trong trại		30	100
Điều kiện lưu trữ thức ăn	Thức ăn có dấu hiệu của chuột, côn trùng	6	20,0
	Thức ăn có dấu hiệu ẩm mốc	7	23,3
Nước uống cho gà	Nước máy	19	63,3
	Nước giếng khoan	11	36,7
Điều kiện làm việc của công nhân	Có mặc quần áo bảo hộ khi làm việc	17	56,7
	Có đi ủng	22	73,3
	Có đi găng tay	19	63,3

Kiểu chuồng thông dụng tại các trang trại gà được khảo sát là chuồng nuôi hở (chiếm 83,5%). Ở

các trại này, tường bao quanh chuồng nuôi thường được xây cao 0,3 - 1m, sau đó có lưới sắt B40

hoặc rào tre bên trên, có kèm theo bạt che. Các trại có chuồng nuôi kín (16,7%) đều có hệ thống quạt thông gió. Việc giữ cho nhiệt độ trong trại ổn định và phù hợp vô cùng quan trọng vì gà là động vật rất mẫn cảm với sự thay đổi của nhiệt độ. Bởi vậy, vào mùa hè, tại các trang trại cần có biện pháp làm mát trại, và có 27 trại (90%) có hệ thống làm mát vào mùa hè (sử dụng hệ thống phun sương).

Ngoại trừ một trại nuôi theo hình thức nuôi lồng, còn lại tất cả các trại khảo sát đều sử dụng chất độn chuồng. Chất độn chuồng được các trại mua về và đều không được xử lý trước khi sử dụng (100%). Đây có thể là một nguy cơ dẫn tới phát tán mầm bệnh vào trong trại.

Trong 30 trại khảo sát, 80% trại có sử dụng hóa chất khử trùng; các hóa chất thường được sử dụng bao gồm cloramin, vôi bột và glutaraldehyde; vẫn còn tới 20% trại không sử dụng hóa chất khử trùng trại. Bên cạnh đó, chỉ có 5 trại (16,7%) áp dụng các biện pháp khử trùng ở cổng vào trại, gồm 4 trại nuôi với quy mô lớn hơn 10.000 con và 1 trại quy mô 4.000 con. Trong số 5 trại đó, 2 trại sử dụng hồ sát trùng và 3 trại bố trí hồ sát trùng kết hợp với phun dung dịch sát trùng, 4 trại lớn còn bố trí hồ sát trùng ở cả vị trí lối vào chuồng nuôi. Tuy nhiên ở cả 5 trại, dung dịch/chất sát trùng trong hồ sát trùng không được thay mới thường xuyên mà chỉ được đổ thêm vào hồ khi cạn hay vơi đi, như vậy có thể sẽ không đạt được hiệu quả sát trùng cao.

Đối với các trại gà đẻ ( $n = 15$ ), chỉ có 3 trại (20%) có vệ sinh trứng khi thu trứng, còn lại 80% trại không áp dụng; tuy nhiên biện pháp vệ sinh trứng rất đơn giản, công nhân chỉ lau qua hay rửa trứng khi trứng bẩn.

Việc thực hiện cùng vào cùng ra trong chăn nuôi được khuyến cáo áp dụng nhằm ngăn ngừa sự lan truyền của mầm bệnh từ lứa nuôi trước sang lứa nuôi sau. Kết quả cho thấy đa số các trại đã áp dụng hình thức này (83,3%); tuy nhiên vẫn có trại chưa áp dụng (16,7%). Một trong những nguyên tắc khi xây dựng chuồng trại là phải có khu vực để cách ly con ốm trong đàn, nhằm ngăn chặn sự lan truyền tác nhân gây bệnh sang các con khỏe mạnh. Tuy nhiên, chỉ có hơn một nửa số trại khảo sát (53,3%) có khu vực hay chuồng nhốt riêng con ốm. Bên cạnh đó, việc xử lý xác động vật cũng như phân và chất độn chuồng

cũng là một trong những điểm quan trọng trong đảm bảo an toàn sinh học tại trại. Hầu hết các trại (93,3%) áp dụng biện pháp chôn, nhưng vẫn có 6,7% trại cho biết khi có xác gà chết, trại sẽ vứt ra ngoài bãi rác. Hơn nữa, toàn bộ các trại khảo sát cho biết trại không áp dụng biện pháp xử lý phân và chất độn chuồng, phân và chất độn chuồng được bán cho người thu mua làm phân bón cho cây trồng. Việc vứt xác gà bừa bãi, không xử lý phân và chất độn chuồng có thể dẫn tới nguy cơ ô nhiễm môi trường hay bùng phát dịch bệnh trên gà nếu gà chết do các bệnh truyền nhiễm.

Chuột và các loại gặm nhấm, cũng như chim hoang dã, côn trùng là nguồn mang mầm bệnh vào chuồng nuôi, thức ăn nước uống của vật nuôi; do vậy việc áp dụng các biện pháp kiểm soát, tiêu diệt các động vật này là rất cần thiết. Tuy nhiên, tất cả các trại được khảo sát đều cho biết có chuột và côn trùng trong trại.

Bảo quản và lưu trữ thức ăn cũng vô cùng quan trọng. Mặc dù thức ăn được đưa về trang trại đảm bảo chất lượng nhưng nếu quá trình bảo quản không tốt cũng sẽ làm giảm dinh dưỡng cũng như phát sinh mầm bệnh trong thức ăn. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các trại đều có kho lưu trữ thức ăn, và thức ăn đều được để trên giá cách mặt đất. Tuy nhiên các trại cho biết thức ăn cho gà vẫn có dấu hiệu của chuột cũng như côn trùng xâm nhập (20%) và vẫn có dấu hiệu ẩm mốc đặc biệt là khi trời mưa ẩm (23,3%), đồng thời thức ăn có dấu hiệu ẩm mốc vẫn được sử dụng cho gà ăn. Về nước uống, qua khảo sát cho thấy 63,3% trại đã sử dụng nước máy làm nước uống cho gà, còn lại 36,7% trại vẫn đang sử dụng nước giếng khoan, trong đó chỉ có 6 trại có hệ thống lọc nước trước khi cung cấp cho gà.

Về điều kiện làm việc của công nhân tại trại, hơn một nửa (56,7%) số trại khảo sát có trang bị quần áo bảo hộ, 73,3% trại có trang bị ủng và 63,3% trại có trang bị găng tay cho công nhân khi làm việc.

Việc áp dụng an toàn sinh học tại các trang trại gà được khảo sát trong nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với các khảo sát ở một số nước đang phát triển khác. Khảo sát của Rimi và cs. (2012) tại các trại gà thịt ở Bangladesh cho thấy không có trang trại nào được tách biệt hoàn toàn với khu sinh hoạt của con người hay với các trại gia cầm khác, các động vật khác vẫn có thể vào trại. Ngoài ra, chim hoang

đã và loài gặm nhấm có thể ra vào các trang trại để ăn thức ăn của gia cầm. Người chăn nuôi thường bán hoặc sử dụng phân không được xử lý làm thức ăn cho cá hoặc làm phân bón. Trong một nghiên cứu khác tại Sudan, Mahmoud và cs. (2014) đã tiến hành so sánh việc áp dụng an toàn sinh học giữa các trại gà thịt chăn nuôi khép kín và các trại chăn nuôi mở. Kết quả cho thấy các trại chăn nuôi khép kín có mức độ áp dụng an toàn sinh học cao hơn so với các trại chăn nuôi mở. Cụ thể 28,1% các trại chăn nuôi mở không có hàng rào bao quanh, trong khi đó 100% trại khép kín có rào bao quanh trại. Trong tổng số trại được khảo sát; chỉ có 2,2% trại có sử dụng biện pháp khử trùng ở cổng trại; 87,5% trại có áp dụng vệ sinh khử trùng thiết bị dụng cụ trước mỗi đợt nuôi, 17,8% trại có kế hoạch diệt côn trùng, chuột bọ; 68,9% trại có áp dụng nuôi cách ly gà ốm và 88,9% các trại có thu thập gà chết mỗi ngày một lần. Tuy nhiên có tới 57% trại không áp dụng khử trùng ủng trước khi vào trại; 84,4% trại không có biển cảnh báo không được xâm nhập trái phép vào trại và 26,7% trại có nuôi động vật khác trong khu vực trại (Mahmoud và cs., 2014).

#### IV. KẾT LUẬN

Những kết quả thu được cho thấy tại các trang trại gà được khảo sát trên địa bàn huyện Đông Anh (Hà Nội), việc áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong quá trình chăn nuôi vẫn chưa được thực hiện đúng và đầy đủ, còn nhiều hạn chế như:

- Còn nhiều hộ không áp dụng khử trùng tiêu độc ở cổng trại (83,3%)
- Có hố sát trùng nhưng chất sát trùng không được thay mới thường xuyên (16,7%)
- Không có biện pháp xử lý phân và chất độn chuồng (100%)
- Tại nhiều trại, công nhân khi làm việc không sử dụng quần áo bảo hộ (43,3%)
- Thức ăn chăn nuôi tuy có kho lưu trữ và có giá để cách mặt đất nhưng vẫn còn dấu hiệu của chuột bọ (20%) và ẩm mốc (23,3%).

Từ kết quả thu được như trên, các khuyến cáo tới người chăn nuôi về việc áp dụng đầy đủ các điều kiện an toàn sinh học, góp phần đảm bảo phát triển chăn nuôi bền vững, phòng chống dịch bệnh cho gà được đưa ra cụ thể như sau:

- Áp dụng biện pháp khử trùng tiêu độc ở cổng trại
- Thay mới thường xuyên chất sát trùng trong các hố sát trùng
- Áp dụng các biện pháp kiểm soát, tiêu diệt chuột, côn trùng
- Áp dụng các biện pháp xử lý phân và chất độn chuồng
- Loại bỏ thức ăn cho gà khi quan sát thấy hiện tượng ẩm mốc
- Trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ, ủng và găng tay cho công nhân
- Tham gia các lớp tập huấn, đào tạo về kỹ thuật chăn nuôi gà, chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN&PTNT, 2009. An toàn sinh học trong chăn nuôi gia cầm. <https://www.mard.gov.vn/Pages/an-toan-sinh-hoc-trong-chan-nuoi-gia-cam-470.aspx>
2. FAO, 2007. Improvement of management and biosecurity practices in smallholder poultry producers. 55p.
3. FAO, 2019. <https://www.fao.org/faostat>.
4. Mahmoud, M. A., Atif, E. A. & Hayfa, M. I., 2014. Evaluation of biosecurity measures on broiler farms in Khartoum, Sudan. *Journal of veterinary medicine and animal health*, 6(5), 138-144.
5. Rimi, N. A., Sultana, R., Muhsina, M., Uddin, B., Haider, N., Nahar, N., Zeidner, N., Sturm-Ramirez, K. & Luby, S. P., 2017. Biosecurity conditions in small commercial chicken farms, Bangladesh 2011-2012. *Ecohealth*, 14(2), 244-258.
6. USDA, 2014. Biosecurity guide for poultry and bird owners. 34p.

Ngày nhận 31-4-2020

Ngày phản biện 16-6-2020

Ngày đăng 1-9-2020